

Số: 331/2019/QĐST-HNGĐ

C, ngày 02 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 468/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa:

* **Nguyên đơn**: Chị **Phan Thị Mỹ L**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 503, Tổ 27, Khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

* **Bị đơn**: Anh **Trịnh Huy H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 503, Tổ 27, Khu 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị Mỹ L và anh Trịnh Huy H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ L và anh Trịnh Huy H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Trịnh Thị Hoàng Y, sinh ngày 10/03/2002 và Trịnh Hoàng Yến V, sinh ngày 25/9/2013, nay anh chị thỏa thuận như sau: Tiếp tục giao cháu Trịnh Hoàng Yến V cho chị L nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Thị Hoàng Y cho anh H nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Anh Trịnh Huy H và chị Phan Thị Mỹ L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Phan Thị Mỹ L tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, chị đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002022, ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên được căn trừ chị L được hoàn lại 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H, H. C, T. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU